

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành đào tạo: Văn học**

**Tên tiếng Anh: Literature**

**Tên chuyên ngành: Văn học**

**Mã ngành: 7229030**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

Đắk Lắk, 2025

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
(Ban hành theo Quyết định số ..../QĐ-ĐHTN ngày.... Tháng..... năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình: Văn học  
Mã ngành: 7229030  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành đào tạo: Văn học  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Tên gọi văn bằng: Cử nhân Văn học  
Thời gian đào tạo: 4 năm

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Văn học làm công tác nghiên cứu, sáng tác văn học hoặc làm việc trong những lĩnh vực có liên quan đến văn học, báo chí, truyền hình, biên tập, xuất bản, quản lý hoạt động văn hóa, các công việc văn phòng ở các cơ quan văn hóa, chính trị, kinh tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn học và kiến thức cơ bản về văn hóa, báo chí; có kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học tập và nghiên cứu; có khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm; có trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc chuyên môn.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về kiến thức**

M1. Thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có tư duy biện chứng khoa học; có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

M2. Có kiến thức vững vàng về xã hội học, tâm lý học, kỹ năng mềm, khởi nghiệp và phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp.

M3. Có kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam và văn hóa, phong tục tập quán địa phương; về mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn học với văn hóa.

M4. Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học Ngữ văn, bao gồm các lĩnh vực thuộc ngôn ngữ học, văn học, báo chí và thực hành các loại văn bản.

#### **1.2.2. Về kỹ năng, thái độ**

M5. Có các kỹ năng giao tiếp và hợp tác; thiết lập mục tiêu và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng tiếng Việt; có kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng của khoa học xã hội và nhân văn.

M6. Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học Ngữ văn vào thực tế đời sống; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của ngôn ngữ học và tiếng Việt; nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của văn học.

M7. Có ý thức trách nhiệm cao, đạo đức tốt, tác phong mẫu mực.

M8. Có thể bổ sung khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm để làm giáo viên giảng dạy ngữ văn tại các cơ sở giáo dục.

M9 Có thể tiếp tục học lên sau đại học thuộc lĩnh vực ngữ văn, văn hóa và báo chí.

### 1.2.3. *Trình độ ngoại ngữ, tin học*

Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016; có chứng chỉ CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

## 2. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Làm chuyên môn hoặc nghiên cứu tại các viện, các trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội khác liên quan tới lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hoá, văn học, ngôn ngữ, báo chí,... và có khả năng tự học và nâng cao trình độ sau đại học.

## 3. Chuẩn đầu ra

Người học tại thời điểm tốt nghiệp trình độ đại học phải đạt chuẩn đầu ra của CTĐT SP Ngữ văn, cụ thể: Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình (2,0) trở lên; Các học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra theo ma trận ở mục 11 (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) đạt từ điểm D trở lên; Học phần khóa luận tốt nghiệp hoặc chuyên đề tốt nghiệp đạt từ điểm C trở lên. Đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực sau đây:

### 3.1. Kiến thức

#### + Kiến thức chung

C1. Vận dụng được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng vào việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, chính trị; tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

C2. Vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học, pháp luật, xã hội học và các kiến thức cơ sở có liên quan vào học tập và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp.

C3. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế - văn hóa - xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương góp phần bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

C4. Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

C5. Có chứng chỉ Giáo dục QPAN và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.

#### + Kiến thức chuyên môn

C6. Tổng hợp và vận dụng được những kiến thức cơ sở ngành bao gồm kiến thức về văn hóa - văn minh, ngôn ngữ - tiếng Việt, lí luận văn học - văn học, báo chí trong phân tích, nghiên cứu chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ cũng như trong tạo lập các loại văn bản.

C7. Tổng hợp, phân tích và vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về văn học Việt Nam và văn học thế giới vào các lĩnh vực nghề nghiệp và nghiên cứu.

C8. Hiểu, phân tích và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học, tiếng Việt, văn bản Hán – Nôm vào hoạt động nghề nghiệp cũng như nghiên cứu.

C9. Vận dụng được các kiến thức và kĩ năng hoạt động nghề nghiệp để hoàn thành đạt yêu cầu việc thực tế chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp và các báo cáo thực tế và thực tập.

C10. Vận dụng được các kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học để hoàn thành đạt yêu cầu khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp và các học phần tương đương thay thế.

### 3.2. Kỹ năng

#### + Kỹ năng chung

C11. Thực hành áp dụng được các kỹ năng mềm như giao tiếp và hợp tác, thiết lập mục tiêu và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo trong quá trình học tập, trong công việc và trong nghiên cứu.

C12. Có kỹ năng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp trong thực tiễn.

C13. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học vào những nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực Ngữ văn.

#### + Kỹ năng chuyên môn

C14. Phân tích, đánh giá được các hiện tượng văn học, ngôn ngữ, văn hóa.

C15. Tạo lập được các văn bản, viết được báo và sáng tác được văn chương.

C16. Hình thành ý tưởng, thu thập, xử lý thông tin, triển khai và hoàn tất một dự án nghiên cứu văn học ở quy mô nhỏ.

### 3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C17. Hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định và các chuẩn mực đạo đức xã hội.

C18. Yêu nghề nghiệp, có trách nhiệm với công việc và đảm bảo uy tín trong công việc, dám chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình tạo ra. Có đạo đức và trung thực trong khoa học. Biết chấp nhận tính đa dạng của các giá trị thẩm mỹ và tôn trọng sự khác biệt. Độc lập, tự tin, có óc phê phán và tinh thần duy lý trong nhận thức.

C19. Nhận thức đúng vai trò của người lao động trí óc đối với xã hội, có trách nhiệm trước các vấn đề xã hội, từ những vấn đề liên quan đến lĩnh vực văn học nghệ thuật đến các vấn đề của đời sống nhân sinh. Có ý thức trong việc sử dụng kiến thức để đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

## 4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
	Kiến thức chung					Kiến thức chuyên môn					Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn			Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	
M1	x				x													x	x	x
M2		x									x									
M3			x																	
M4	x	x	x			x	x	X	x	x										
M5				x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
M6	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
M7											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

M8	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
M9	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (TC).

### Khối lượng học tập chuẩn hệ chính quy:

$$M = \frac{130 \text{ tín chỉ}}{4 \text{ năm}} = 32,5 \text{ tín chỉ}$$

5.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 TC (Không tính Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng)

5.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 TC

- Kiến thức cơ sở ngành (32 TC)
- Kiến thức ngành (58 TC)
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế (7 TC)

## 6. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên và Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng “Quy chế học vụ Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện Quy chế 43 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Cách thức đánh giá

(1) Thực hiện theo Điều 21 và Điều 22 của “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 24 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

(2) Quyết định 1201/QĐ-Đại học Tây Nguyên ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung theo qui chế đạo tạo đại học theo tín chỉ được ban hành theo Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

## 9. Nội dung chương trình: 130

### 9.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 TC

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	3	0	
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031

4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	0	ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	0	ML211002
6	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	0	2	
7	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	0	0		
8	FL211020	Tiếng Anh 1	2	2	0	2	0	
9	FL211021	Tiếng Anh 2	2	2	0	2	0	FL211021
10	FL211022	Tiếng Anh 3	2	2	0	2	0	FL211022
11	FL211023	Tiếng Anh 4	2	2	0	2	0	FL211023
12	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	0	
13	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	0	
14	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	0	
15	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	0	
16	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,5	2	0	
17	KC213046	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	2	1,5	0,5	2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>35</b>	<b>32,4</b>	<b>2,6</b>	<b>31</b>	<b>2</b>	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
18	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt	2	2	0	2		
19	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2	0	2		SP211101
20	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0	2		SP211102
21	SP211104	Phong cách học tiếng Việt	2	2	0	2		SP211103
<b>Tổng cộng</b>			<b>08</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>		

### 9.2. Kiến thức giáo dục thể chất: 03 TC

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
<i>Học phần tự chọn 1: SV chọn 1 trong 4 học phần sau</i>								
1	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	0	1	0	1	
2	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1	0		
3	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1	0		
<i>Học phần tự chọn 2: chọn 1 trong 4 học phần sau</i>								
4	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1	0		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
5	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1	0	1	
6	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1	0		
<i>Học phần tự chọn 3: chọn 1 trong 4 học phần sau</i>								
7	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1	0	1	
8	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	1	0		
9	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1	0		
<b>Tổng:</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>		

Đối với sinh viên sức khỏe hạn chế thì học các học phần sau:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
25	SP211039	Cờ vua 1	1		1	1		
26	SP211040	Cờ vua 2	1		1	1		SP211039
27	SP211041	Cờ vua 3	1		1	1		SP211040
<b>Tổng:</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	

### 9.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng: 8 TC

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP tiên quyết/ HP học trước
			Tổng	LT	TH	BB	TC	
28	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	3		
29	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	2		
30	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1		
31	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2		
<b>Tổng cộng</b>			<b>8</b>	<b>5.7</b>	<b>2.3</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
32	SP211103	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0	2		
33	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
34	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		
<b>Tổng cộng</b>			<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	

#### 9.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 TC

##### 9.4.1. Kiến thức cơ sở ngành (32 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
39	SP212099	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học	2	2	0	2	0	
40	SP212102	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2	0	2	0	
41	SP212103	Tiến trình văn học	2	2	0	2	0	SP212102
42	SP212105	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2	0	2	0	
43	SP212004	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	2	2	0	2	0	
44	SP212201	Lịch sử tiếng Việt	2	2	0	2	0	
45	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0	2	0	
46	SP211100	Hán văn cơ sở	2	2	0	2	0	
47	SP211003	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1,5	0,5	2	0	
48	SP211021	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	2	2	0	2	0	
49	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	1,5	0,5	2	0	
50	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	2	0	
51	SP213125	Ngữ âm tiếng Việt	2	2	0	2	0	SP211002
52	SP213126	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2	0	2	0	SP213125
53	SP213147	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0	2	0	SP213126
54	SP213128	Phong cách học tiếng Việt	2	2	0	2	0	SP213147
<b>Tổng cộng</b>			<b>32</b>	<b>31</b>	<b>1</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	

## 9.4.2. Kiến thức ngành: 58 TC

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
55	SP213001	Văn học dân gian Việt Nam	3	3	0	3	0	
56	SP213555	Hoạt động trải nghiệm văn học địa phương	1	0	1	1	0	
57	SP213100	Văn học Việt Nam trung đại 1	2	2	0	2	0	
58	SP213111	Văn học Việt Nam trung đại 2	2	2	0	2	0	SP213100
59	SP213112	Văn học Việt Nam trung đại 3	2	2	0	2	0	SP213111
60	SP213129	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	2	2	0	2	0	
61	SP213102	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	3	3	0	3	0	SP213129
62	SP213116	Văn học phương Tây 1	2	2	0	2	0	
63	SP213117	Văn học phương Tây 2	2	2	0	2	0	SP213116
64	SP213118	Văn học phương Tây 3	2	2	0	2	0	SP213117
65	SP213119	Văn học Nga và văn học Xô Viết	2	2	0	2	0	
66	SP213142	Thực tế chuyên ngành	1	0	1	1	0	
67	SP213108	Văn học Tây Nguyên	2	2	0	2	0	
68	SP213115	Văn học Trung Quốc	3	3	0	3	0	
69	SP213120	Văn bản Hán văn Trung Hoa	2	2	0	2	0	SP211100
70	SP213121	Văn bản Hán – Nôm Việt Nam	2	2	0	2	0	SP213120
71	SP213109	Văn học Châu Á	2	2	0	2	0	
72	SP213214	Ngữ dụng học	2	2	0	2	0	
73	SP213215	Ngữ pháp chức năng	2	2	0	2	0	
74	SP213152	Biên tập các loại hình báo chí truyền thông	2	2	0	2	0	
75	SP213153	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2	2	0	2	0	
76	SP213208	Thực tập nghề nghiệp	5	0	5	5		
77	SP214205	Thi pháp học	2	2	0	0		
78	SP214129	Thi pháp văn học dân gian	2	2	0	0	2	
79	SP214139	Chuyên đề Tiếng Êđê	2	2	0	0		
80	SP214148	Thuyết trình chuyên ngành	2	2			2	

81	SP214145	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	2	2				
82	SP214143	Tiểu thuyết Minh – Thanh	2	2				
83	SP214004	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	2	2	0	0	2	
84	SP214147	Văn học Việt Nam sau 1975	2	2	0	0		
85	SP214142	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	2	2	0	0		
86	SP214006	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt	2	2	0	0	2	
87	SP214138	Chuyên đề Từ Hán – Việt	2	2	0	0		
88	SP214135	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật	2	2	0	0		
89	SP214003	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt	2	2	0	0	2	
90	SP214002	Chuyên đề Logic và tiếng Việt	2	2	0	0		
			<b>76</b>	<b>69</b>	<b>7</b>	<b>48</b>	<b>10</b>	

#### 9.4.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế (7 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
91	SP213157	Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên đủ điều kiện)	7	0	7	0	7	
92	SP215012	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	3	0	3	
<i>Dành cho sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp</i>								
93	SP215013	Lí luận văn học	2	2	0	0	2	
	SP215014	Cơ sở ngôn ngữ và Tiếng Việt	2	2	0	0		
94	SP215015	Văn học dân gian	2	2	0	0	2	
	SP215016	Văn học Việt Nam trung đại	2	2	0	0		
	SP215017	Văn học Việt Nam hiện đại	2	2	0	0		
	SP215018	Văn học nước ngoài	2	2	0	0		
<b>Tổng cộng</b>			<b>22</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	

## 10. Kế hoạch giảng dạy

### 10.1. Năm thứ nhất

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
<b>Học kỳ 1</b>					
1	FL211020	Tiếng Anh 1	2	2	0
2	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0

3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0
4	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0
5	SP213001	Văn học dân gian Việt Nam	3	3	0
6	KC211027	Tin học đại cương	2	2	0
7	SP211014	Tâm lí học đại cương	2	2	0
8	SP211006	Xã hội học đại cương	2		0
9	SP211032	Thế dục cơ bản và Điền kinh	1	1	0
	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		0
	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		0
	SP211039	Cờ vua 1	1		0
<b>Tổng:</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>0</b>

### Học kỳ 2

1	ML211030	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0
2	SP213555	Hoạt động trải nghiệm văn học địa phương	1	1	0
3	FL211021	Tiếng Anh 2	2	2	0
4	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	2	0
5	SP211100	Hán văn cơ sở	2	2	0
6	SP212201	Lịch sử tiếng Việt	2	2	0
7	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0
8	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	
<b>Tổng:</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>1</b>

### 10.2. Năm thứ hai

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
<b>Học kỳ 1</b>					
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
2	KC213046	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	2	2	0
3	FL211022	Tiếng Anh 3	2	2	0
5	SP213120	Văn bản Hán văn Trung Hoa	2	2	0
6	SP213125	Ngữ âm tiếng Việt	2	2	0
7	SP213116	Văn học phương Tây 1	2	2	0
8	SP213100	Văn học Việt Nam trung đại 1	2	2	0
9	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0
10	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
12	QP211012	Quân sự chung	1	1	0

13	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	0
<b>Tổng:</b>			<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 2**

1	SP211021	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	2	2	0
2	SP212004	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	2	2	0
2	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
3	SP213117	Văn học phương Tây 2	2	2	0
4	FL211023	Tiếng Anh 4	2	2	0
5	SP213142	Thực tế chuyên ngành	1	1	0
6	SP212099	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học	2	2	0
7	SP213111	Văn học Việt Nam trung đại 2	2	2	0
8	SP213126	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	2	2	0
9	SP213121	Văn bản Hán – Nôm Việt Nam	2	2	0
10	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	
	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	
	SP211041	Cờ vua 3 (dành cho sinh viên sức khỏe hạn chế)	1	0	
<b>Tổng:</b>			<b>22</b>	<b>19</b>	<b>1</b>

**10.3. Năm thứ ba**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
<b>Học kỳ 1</b>					
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	SP213112	Văn học Việt Nam trung đại 3	2	2	0
3	SP213109	Văn học Châu Á	2	2	0
4	SP212102	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2	0
5	SP213129	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	2	2	0
6	SP213147	Ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
7	SP213118	Văn học phương Tây 3	2	2	0
8	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	0
9	SP213152	Biên tập các loại hình báo chí truyền thông	2	2	0
<b>Tổng:</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 2**

1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
2	SP213128	Phong cách học tiếng Việt	2	2	0
3	SP213119	Văn học Nga và văn học Xô Viết	2	2	0
4	SP213251	Ngữ pháp chức năng	2	2	0
5	SP213102	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	3	3	0
6	SP212103	Tiến trình văn học	2	2	0

8	SP212105	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2	0
9	SP213115	Văn học Trung Quốc	3	3	0
<b>Tổng:</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>

**10.4. Năm thứ 4**

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
<b>Học kỳ 1</b>					
1	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
2	SP213108	Văn học Tây Nguyên	2	2	0
3	Sp213214	Ngữ dụng học	2	2	0
4	SP213153	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2	2	0
5	SP214205	Thi pháp học	2	0	2
	SP214129	Thi pháp văn học dân gian	2	0	
	SP214139	Chuyên đề Tiếng Êđê	2	0	
6	SP214148	Thuyết trình chuyên ngành	2	0	2
	SP214145	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	2	0	
	SP214143	Tiểu thuyết Minh – Thanh	2	0	
7	SP214004	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam	2	0	2
	SP214147	Văn học Việt Nam sau 1975	2	0	
	SP214142	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	2	0	
8	SP214006	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt	2	0	2
	SP214138	Chuyên đề Từ Hán – Việt	2	0	
	SP214135	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật	2	0	
9	SP214003	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt	2	0	2
	SP214002	Chuyên đề Logic và tiếng Việt	2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>36</b>	<b>8</b>	<b>10</b>
<b>Học kỳ 2</b>					
1	SP213208	Thực tập nghề nghiệp	5	0	5
2	SP213157	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7
3	SP215012	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	3
4	SP215015	Văn học dân gian	2	0	2
5	SP215016	Văn học Việt Nam trung đại	2	0	
6	SP215017	Văn học Việt Nam hiện đại	2	0	
7	SP215018	Văn học nước ngoài	2	0	
8	SP215013	Lí luận văn học	2	0	2
9	SP215014	Cơ sở ngôn ngữ và Tiếng Việt	2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>26</b>	<b>0</b>	<b>12</b>

### 11. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

T T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																		
		C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17	C 18	C 19
1	Triết học Mác-Lênin	3				3												3	3	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3				3												3	3	3
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3				3												3	3	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3				3												3	3	3
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				3						2									
6	Xã hội học đại cương		3					1			2									
7	Tâm lí học đại cương		3					1			2									
8	Tiếng Anh 1				3						2									
9	Tiếng Anh 2				3						2									
10	Tiếng Anh 3				3						2									
11	Tiếng Anh 4				3						2									
12	Tin học đại cương		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
13	Kỹ năng mềm		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
14	Khởi nghiệp		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
15	Pháp luật Việt Nam đại cương		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
17	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng		1	1			2	2	2	2	3			3	2	2	3	1	1	1
18	Thể dục cơ bản và điền kinh					3					2									
19	Bóng rổ cơ bản					3					2									
20	Bóng bàn cơ bản					3					2									
21	Bóng chuyền cơ bản					3					2									
22	Bơi lội cơ bản					2					2									
23	Cầu lông cơ bản					3					2									
24	Thể dục nhịp					3					2									

	điều cơ bản																			
25	Teakwondo cơ bản				3					2										
26	Bóng đá cơ bản				3					2										
30	Cờ vua 1				3					2										
31	Cờ vua 2				3					2										
32	Cờ vua 3				3					2										
33	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3		2		3											3	1	1	
34	Công tác quốc phòng và an ninh	3		2		3											3	1	1	
35	Quân sự chung	3		2		3											3	1	1	
36	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3		2		3											3	1	1	
37	Mỹ học và Nguyên lý lý luận văn học						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
38	Tác phẩm văn học và thể loại văn học						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
39	Tiến trình văn học						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
40	Thực hành văn bản tiếng Việt						3		3	3	3			2	3	3	2	1	1	1
41	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí						3		3	3	3			2	3	3	2	1	1	1
42	Lịch sử tiếng Việt						3		3	2	1									
43	Dẫn luận ngôn ngữ học						3		3	3	3			2	3	3	2	1	1	1
44	Hán văn cơ sở						3		3	3	3			2	3	3	2	1	1	1
45	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	3			3	1	1					2	1	3	1	2		
46	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	3		3	3	3			2	3	3	2	1	1	1					
47	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên		2	3			3	1	1					2	1	3	1	2		
48	Lịch sử văn		2	3			3	1	1					2	1	3	1	2		

	minh thể giới																			
49	Ngữ âm tiếng Việt	3	3				3	3	3	3			2	3	3	2	1	1	1	
50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	3	3				3	3	3	3			2	3	3	2	1	1	1	
51	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3				3	3	3	3			2	3	3	2	1	1	1	
52	Phong cách học tiếng Việt						3	3	3	3			2	3	3	2	1	1	1	
53	Văn học dân gian Việt Nam			3			2	3		3	3		3	3	2	1		1	1	
54	Hoạt động trải nghiệm văn học địa phương			2		2			2		2			1	2		1	1	1	
55	Văn học Việt Nam trung đại 1						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
56	Văn học Việt Nam trung đại 2						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
57	Văn học Việt Nam trung đại 3						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
58	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
59	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
60	Văn học phương Tây 1						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
61	Văn học phương Tây 2						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
62	Văn học phương Tây 3						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
63	Văn học Nga và văn học Xô Viết						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	
64	Thực tế chuyên ngành			3		3			3		2	2		1	2		1	1	1	
65	Văn học Tây Nguyên	3	3	3	3	3		2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1	1
66	Văn học Trung Quốc						3	2	2	3	3		3	3	2	3	1	1	1	

67	Văn bản Hán văn Trung Hoa						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
68	Văn bản Hán – Nôm Việt Nam						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
69	Văn học Châu Á						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
70	Ngữ dụng học	3	3	3	3	3		2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1	1
71	Ngữ pháp chức năng						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
72	Biên tập các loại hình báo chí truyền thông						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
73	Thực tập nghề ng nghiệp						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
74	Thi pháp học						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
75	Thi pháp văn học dân gian						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
76	Chuyên đề Tiếng Êđê						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
77	Thuyết trình chuyên ngành						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
78	Ảnh hưởng văn học Phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
79	Tiểu thuyết Minh – Thanh						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
80	Tác giả và phong cách nhà văn trong văn học trung đại Việt Nam						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
81	Văn học Việt Nam sau 1975						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
82	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
83	Chuyên đề Cơ sở tiếng Việt						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
84	Chuyên đề Từ Hán – Việt						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
85	Chuyên đề Ngôn ngữ nghệ thuật						3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1

86	Chuyên đề Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt							3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
87	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính							3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
88	Chuyên đề Logic và tiếng Việt							3	2	2	3	3			3	3	2	3	1	1	1
89	Khóa luận tốt nghệ (Sinh viên đủ điều kiện)	3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1	1
90	Chuyên đề tốt nghệ (sinh viên không đủ điều kiện hoặc không làm khóa luận tốt nghệ)	3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1	1
91	Lí luận văn học		3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1
92	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt		3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1
93	Văn học dân gian		3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	3	2	3	1	1	1
94	Văn học Việt Nam trung đại			3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	2	3	1	1	1
95	Văn học Việt Nam hiện đại			3	3	3	3	3			2	2	2	2	2	2	2	3	1	1	1

**Ghi chú:** Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao.

Đề trống = không đóng góp.

## 12. Tiến trình đào tạo ngành Văn học: 130 TC

